

NỘI DUNG HỌC TẬP

MÔN: Ngữ văn KHỐI: 6

BÀI/CHỦ ĐỀ: MIỀN CỔ TÍCH

Tiết: 16 +17 + 18: SỢ DỪA

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Tài liệu: Sách giáo khoa Ngữ Văn 6, truyện cổ tích. Văn bản: I. Tìm hiểu chung 1. Thể loại: truyện cổ tích - Kiểu nhân vật người mang lốt vật. 2. Tóm tắt - Nhân vật chính: Sợ Dừa - Ngôi kể: ngôi thứ ba - PTBD: tự sự 3. Bố cục: 4 phần - P1: từ đầu... <i>nó là Sợ Dừa</i> : Sự ra đời của Sợ Dừa - P2: Tiếp... <i>phòng khi dùng đến</i>: Sợ Dừa cưới cô út, trở về hình dạng tuần tú và thi đỗ trạng nguyên. - P3: Còn lại: Biến cố bị hãm hại và sự đoàn tụ vợ chồng II. Tìm hiểu chi tiết 1. Nhân vật Sợ Dừa a. Sự ra đời của Sợ Dừa - Người mẹ nghèo, hiếm muộn, uống nước mưa trong chiếc sọ dừa → mang thai. - Bà sinh ra đứa bé không tay, không chân, tròn như quả dừa. - Bà định vứt con đi, Sợ Dừa xin mẹ → bà để lại nuôi. - Nhân xét: Sợ Dừa thuộc kiểu nhân vật người mang lốt vật, có hình dạng xấu xí.

→ nhân dân ta thể hiện sự quan tâm, thương cảm đến những số phận thấp hèn, đau khổ, chịu nhiều thua thiệt.

b. Sọ Dừa cưới cô út, trở về hình dạng tuần tú và thi đỗ trạng nguyên.

- Sọ Dừa đã có nhiều hành động khiến mọi người bất ngờ, ngạc nhiên :

+ Xin sang nhà phú ông chăn bò và chăn rất giỏi

+ Thổi sáo rất hay

+ Giục mẹ hỏi cưới con gái Phú ông và chuẩn bị đầy đủ sính lễ

+ Cưới cô út và thi đỗ trạng nguyên

→ Sọ Dừa trở thành chàng trai khôi ngô tuấn tú, cưới được cô út và sống hạnh phúc, thi đỗ trạng nguyên.

→ Thể hiện ước mơ của nhân dân ta, những người thiệt thòi được bù đắp.

c. Biến cố bị hãm hại và vợ chồng SD đoàn tụ

- Sọ Dừa đi sứ và dặn vợ mang theo những vật phòng thân.

- Cô út bị hai chị hãm hại nhưng thoát nạn

- Vợ chồng đoàn tụ, sống hạnh phúc.

→ Thể hiện quan niệm của nhân dân: ở hiền gặp lành

2. Nhân vật cô út

- Hiền lành, nét na, thương người, đối đãi với SD tử tế

- Thông minh, biết xử trí kịp thời để thoát nạn.

- Kết cục: có cuộc sống hạnh phúc.

3. Nhân vật hai cô chị

- Kiêu kì, ác nghiệt, khinh thường Sọ Dừa.

- Có dã tâm độc ác.

- Kết cục: bỏ đi biệt xứ

	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung:</i> Truyện kể về nhân vật Sọ Dừa tuy có hình dạng xấu xí nhưng thông minh, tài năng đã có một cuộc sống hạnh phúc. * <i>Ý nghĩa:</i> Truyện đề cao, ca ngợi vẻ đẹp bên trong của con người. Đó là ý nghĩa nhân bản, thể hiện đạo lí truyền thống của nhân dân ta, chính lòng nhân ái sẽ đem lại hạnh phúc cho con người. b. Nghệ thuật - Chi tiết tưởng tượng kì ảo
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	- GV yêu cầu HS trả lời bài tập: + Chỉ ra các tiết kì ảo trong truyện? Ý nghĩa của các chi tiết này? + Qua truyện Sọ Dừa, em rút ra được những bài học gì cho mình? Hãy viết thành đoạn văn ngắn 5-7 dòng về những bài học rút ra từ truyện.
Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức	HS nắm được: - Truyện cổ tích là gì? - Nhận biết được một số yếu tố của huyện cổ tích; các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Nhận biết được chủ đề của VB. - Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn. - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra. - Tấm lòng bao dung, nhân ái.

BÀI/CHỦ ĐỀ: MIỀN CỔ TÍCH

Tiết: 19 +20: **EM BÉ THÔNG MINH**

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	Tài liệu: Sách giáo khoa Ngữ Văn 6, sách lịch sử, truyện truyền thuyết Văn bản: I. Tìm hiểu chung 1. Thể loại: - Truyện cổ tích sinh hoạt, thuộc loại truyện “Trạng”. 2. Đọc- kể tóm tắt - Ngôi kể: ngôi thứ ba - PTBD: tự sự 3. Bố cục: 2 phần - P1: Từ đầu đến <i>lỗi lạc</i>: Vua sai quan đi khắp nơi tìm người tài giỏi giúp nước. - P2: tiếp theo → <i>láng giềng</i>: Em bé vượt qua 4 lần thử thách - P3: <i>Còn lại</i>: Em bé trở thành trạng nguyên II. Tìm hiểu chi tiết 1. Vua sai sứ thần đi tìm người tài - Hình thức: ra những câu đố oái ăm. - Mục đích: tìm người thật <i>lỗi lạc</i>. 2. Em bé thông minh và những lần giải đố <i>* Lần 1:</i> - Viên quan hỏi: <i>Trâu cày một ngày ...?</i> -> câu hỏi oái ăm hóc búa. - Em bé hỏi vặn lại: <i>“Ngựa của ông đi một ngày được mấy bước?”</i> -> Em bé thông minh đã dùng 4goai câu đố để giải đố, đẩy viên quan vào thế bị động ... không thể trả lời ... <i>* Lần 2:</i> Người thử thách là nhà vua.

	- Câu đố dưới hình thức lệnh vua ban: nuôi 3 con trâu đực ... đẻ 5goai 9 con. -> mức độ và 5goai chất thử của lần thách này khó khăn hơn. - Em bé bảo cả làng xẻ thịt trâu để ăn, rồi diễn một vở kịch khiến nhà vua phải tự nói ra sự vô lý trong câu đố của mình. <i>* Lần 3:</i> - Vua ban một con chim sẻ, yêu cầu làm 5goai 3 mâm cỗ. - Em bé giải đố bằng cách đố lại nhà vua: Yêu cầu rèn chiếc kim may 5goai con dao để xẻ thịt chim. <i>* Lần 4:</i> Giải câu đố của sứ thần nước ngoai. Đây là thử thách khó khăn, phức tạp nhất. - Câu đố: Xỏ sợi chỉ qua ruột ốc. - Quân thần đều bó tay. - Em bé giải đố bằng cách vận dụng kinh nghiệm dân gian qua một câu hát đồng dao ... <i>* Nhận xét:</i> - Hình thức: sử dụng câu đố mẹo, một mô típ quen thuộc trong các truyện dân gian. - Nghệ thuật: sử dụng nghệ thuật tăng tiến (tính chất oái oăm của câu đố, đối tượng ra câu đố, cấp độ so sánh). - Tác dụng: + Tạo ra thử thách để nhân vật bộc lộ tài năng + Tạo tình huống cho truyện phát triển. + Gây hứng thú, hồi hộp cho người nghe. 3. Em bé trở thành trạng nguyên - Nhà vua phong em bé là trạng nguyên, cho xây dinh thự. ➔ Phần thưởng đích đáng để khẳng định, tôn vinh vị thần đồng. III. Tổng kết
--	--

	1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung</i>: Truyện kể về những thử thách mà em bé thông minh đã trải qua. * <i>Ý nghĩa</i>: Đề cao trí thông minh, đề cao kinh nghiệm dân gian, tạo tiếng cười hài hước. b. Nghệ thuật - Hình thức giải đố oái ăm tạo sức hấp dẫn cho truyện. - Sử dụng nghệ thuật tăng tiến (tính chất oái ăm của câu đố, đối tượng ra câu đố, cấp độ so sánh).
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm: Câu 1: Em bé thông minh thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích? A. Nhân vật mồ côi, bất hạnh B. Nhân vật thông minh, tài giỏi C. Nhân vật khỏe mạnh D. Nhân vật có phẩm chất tốt đẹp dưới hình thức bề ngoài xấu xí Câu 2: Em bé thông minh đã giải thành công bao nhiêu câu đố? A. Một lần B. Hai lần C. Ba lần D. Bốn lần Câu 3: Lần thử thách thứ nhất, ai là người ra câu đố? A. Vua B. Viên quan C. Sứ giả D. Dân làng Câu 4: Các câu đố trong câu truyện được sắp xếp theo trình tự nào? A. Từ khó đến dễ B. Từ dễ đến khó C. Không theo trình tự nào cả D. Tất cả đều khó

	Câu 5: Cách giải đố của em bé thông minh thú vị ở chỗ nào? A. Tương kế tựu kế B. Vận dụng kinh nghiệm dân gian C. Dùng gậy ông đập lưng ông D. Tất cả đều đúng Câu 6: Nội dung của truyện cổ tích “Em bé thông minh” là: A. Truyện đề cao sự thông minh và trí khôn dân gian, từ đó tạo tiếng cười vui vẻ, hồn nhiên trong đời sống B. Truyện đề cao tinh thần nghĩa hiệp và lòng dũng cảm C. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo D. Truyện ca ngợi sự gan dạ, dũng cảm, khôn khéo của hai cha con nhà nọ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức	HS nắm được: - Truyện cổ tích là gì? - Nhận biết được một số yếu tố của huyện cổ tích; các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Nhận biết được chủ đề của VB. - Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn. - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra. Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.